

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Kiều Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thanh Tấn
2. Bà Nguyễn Thị Bội Nhu

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Quỳnh Trang - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 311/2024/TLST- HNGĐ ngày 09/10/2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/3/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Ngô Thị L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: khu phố 12, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* ông **Nguyễn Phi C**, sinh năm 1989

Địa chỉ: khu phố 12, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, có mặt nguyên đơn; vắng mặt bị đơn không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Phi C tự tìm hiểu, quen biết nhau, đến năm 2010 thì đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian ngắn đến khi bà L sinh con đầu thì xảy ra mâu thuẫn do ông C thường xuyên cờ bạc và bạo lực gia đình. Vợ chồng bà có thời gian không sống với nhau vài tháng, sau đó hàn gắn quay về chung sống để lo cho con nhưng ông C vẫn ham chơi, không thay đổi

sửa chữa bản thân, vợ chồng sống không hạnh phúc, ông C đánh đập vợ con và từ năm 2023 không sống chung với nhau, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai, nay bà L không còn tình cảm với ông C, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: trong thời gian chung sống vợ chồng bà có 03 người con chung tên Nguyễn Trọng K (nam), sinh ngày 02/10/2011, Nguyễn Thị Hồng T (nữ), sinh ngày 07/10/2016 và Nguyễn Thị Hồng L (nữ), sinh ngày 10/7/2018, hiện 03 cháu đang ở với bà L; nguyện vọng sau ly hôn bà L được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung.

Về cấp dưỡng: tại Đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông C cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng. Bà L khai rằng 02 năm nay một mình bà lo cho các con, ông C không chu cấp gì cả, nay bà thấy có khả năng tự nuôi con và việc ông C cấp dưỡng nuôi con là sự tự giác, trách nhiệm của ông nên nay bà không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Nguyễn Phi C, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông C không có văn bản trình bày ý kiến, không có đơn yêu cầu phản tố và không đến Tòa tham gia hòa giải nên không thể tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đều đảm bảo theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: cho bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Phi C. Về con chung: giao 03 cháu Nguyễn Trọng K (nam), sinh ngày 02/10/2011, Nguyễn Thị Hồng T (nữ), sinh ngày 07/10/2016 và Nguyễn Thị Hồng L (nữ), sinh ngày 10/7/2018 cho bà L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C không cấp dưỡng nuôi con do bà L chưa yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn bà Ngô Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Phi C, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông Nguyễn Phi C cư trú tại thành phố P, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố P có thẩm quyền giải quyết.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa:

Tòa án đã tiến hành các thủ tục thụ lý, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử...nguyên đơn tham gia và chấp hành đầy đủ theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông C là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Ngô Thị L và ông Nguyễn Phi C đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 036/2011, ngày 04/3/2011 trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân của bà L, ông C là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi vã, sau khi sinh con đầu thì bà L đã bỏ về nhà mẹ ruột, sau đó ông bà có về lại chung sống với nhau để lo cho con nhưng cuộc sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung và vợ chồng tiếp tục sống ly thân từ năm 2023 nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài một thời gian, Tòa án cũng tạo điều kiện để hòa giải nhưng không hàn gắn được chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hiện cuộc sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cả bà L, ông C đều đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông C không đến Tòa án làm việc và hòa giải, có thể thấy ông C không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Đến nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Về con chung: xét thấy bà L, ông C có 03 (ba) người con chung tên

Nguyễn Trọng K (nam), sinh ngày 02/10/2011, Nguyễn Thị Hồng T (nữ), sinh ngày 07/10/2016 và Nguyễn Thị Hồng L (nữ), sinh ngày 10/7/2018. Hiện cả 03 cháu đang sống chung với mẹ và do mẹ chăm lo, nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 người con. Bà L có công việc và thu nhập đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con, do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giao con chung cho bà L tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình và nguyện vọng của cháu Trọng K và Hồng T trên 07 tuổi đã trình bày tại Tòa. Bà L không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về án phí: nguyên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 19, 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L đối với ông Nguyễn Phi C về việc “*Ly hôn, nuôi con chung*”

- *Về quan hệ hôn nhân:* bà Ngô Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Phi C.

- *Về con chung:* sau ly hôn, giao 03 (ba) người con chung tên Nguyễn Trọng K (nam), sinh ngày 02/10/2011, Nguyễn Thị Hồng T (nữ), sinh ngày 07/10/2016 và Nguyễn Thị Hồng L (nữ), sinh ngày 10/7/2018 cho bà Ngô Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông C không cấp dưỡng nuôi con do bà L chưa yêu cầu. Ông C được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại các Điều 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: bà Ngô Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002133 ngày 09/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (14/4/2025). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Nữ Kiều Mỹ